

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Quy hoạch Phát triển nhân lực tỉnh Đắk Lắk năm 2018

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/07/2011 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện trong năm 2018, như sau:

I. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Đắk Lắk năm 2018:

1. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển nhân lực:

Triển khai thực hiện Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 và Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 – 2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định 3433/QĐ-UBND) và Chỉ thị số 04/2012/CT-UBND ngày 24/10/2012 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển nhân lực Đắk Lắk đến năm 2020.

2. Tổ chức bộ máy nhà nước, phân công, phân cấp về phát triển nhân lực:

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tổ chức thực hiện quy hoạch nhân lực tại Quyết định 3433/QĐ-UBND, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng quy hoạch: xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện theo quy định về phân cấp, quản lý giáo dục, đào tạo và dạy nghề; xây dựng phương án hỗ trợ đầu tư; cân đối ngân sách chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo quy định hiện hành; thực hiện tốt các chính sách đối với giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, dạy nghề; quan tâm công tác giải phóng mặt bằng, bố trí quỹ đất phù hợp cho các công trình giáo dục và đào tạo, dạy nghề trên địa bàn; quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh, theo đó, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nhân lực năm 2018:

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển nhân lực:

Năm 2018 là năm thứ 7 thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực, mặc dù còn nhiều khó khăn, vướng mắc nhưng với tinh thần triển khai quyết liệt các nhóm giải pháp đã đề ra tại Quyết định 3433/QĐ-UBND, kết quả phát triển nhân lực của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân trên địa bàn tỉnh được nâng lên, đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể:

- Hoạt động thông tin, tuyên truyền, tư vấn về việc làm, nghề nghiệp được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả khả quan. Tỉnh đã tổ chức tư vấn việc làm và nghề nghiệp cho 24.026 lượt người; giới thiệu việc làm cho 8.840 lượt người (3.765 người có việc làm sau khi giới thiệu, gồm: Trong tỉnh 3.475 người, ngoài tỉnh 185 người, đi làm việc ở nước ngoài 38 người; cung ứng lao động cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh 67 người)¹.

- Đến nay, tổng số công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh là 3.087 công chức và 36.237 viên chức. Công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ mọi mặt cho cán bộ, công chức, viên chức có những thay đổi sâu sắc, năng lực tư duy được nâng lên rõ rệt. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức đã vận dụng có hiệu quả những kiến thức được tích lũy qua đào tạo để đáp ứng tốt công việc chuyên môn².

- Tỉnh luôn chú trọng và tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ³. Công tác phát triển đội ngũ nghiên cứu khoa học công nghệ

¹ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã ký hợp đồng với Báo Đắk Lắk, Tạp chí Lao động xã hội để thực hiện công tác thông tin tuyên truyền với các nội dung: Thông tin về chủ trương, chính sách, chế độ cho người học nghề lao động nông thôn, các điển hình, mô hình làm tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tổ chức 14 Phiên giao dịch việc làm với 78 lượt đơn vị, doanh nghiệp tham gia với nhu cầu tuyển dụng, tuyển sinh là 8.122 người; số lao động đến tham gia tìm việc làm, học nghề tại Phiên giao dịch là 6.935 lượt người; số lao động được tuyển dụng trực tiếp tại Phiên giao dịch 700 người; số người tra cứu, tìm kiếm, đăng ký thông tin về việc làm trên website của Trung tâm tại trong ngày tổ chức Phiên là 28.115 lượt người. Tư vấn cho trên 950 lượt người lao động có nhu cầu đi xuất khẩu lao động và có 420 lao động đã xuất cảnh (chủ yếu ở các thị trường: Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc,...).

² UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 về ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018. Kết quả đào tạo đối với công chức: Tổ chức các lớp bồi dưỡng: Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp 16 trường hợp, ngạch chuyên viên chính 89 trường hợp, ngạch chuyên viên 345 trường hợp; lý luận chính trị 301 trường hợp; đào tạo chuyên môn nghiệp vụ 30 trường hợp; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, vị trí việc làm 2.431 trường hợp; bồi dưỡng quốc phòng an ninh 357 trường hợp; tiếng dân tộc 31 trường hợp. Kết quả đào tạo đối với viên chức: Tổ chức các lớp bồi dưỡng: lý luận chính trị 247 trường hợp; quản lý nhà nước 60 trường hợp; đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ 95 trường hợp; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp 4.225 trường hợp; bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo 28 trường hợp; bồi dưỡng quốc phòng an ninh 577 trường hợp; bồi dưỡng ngoại ngữ tin học 328 trường hợp; bồi dưỡng tiếng dân tộc 183 trường hợp.

³ Hiện tỉnh đang triển khai dự án “Trại thực nghiệm và khoa học công nghệ tỉnh Đắk Lắk”; thực hiện đầu tư thiết bị, máy móc xây dựng các điểm thông tin tại các xã, phường, thị trấn trong tỉnh; xây dựng dịch vụ cung cấp tổng hợp – phân tích thông tin, số liệu thống kê và công nghệ cao thuộc dự án “Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020”; triển khai các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực về trang thiết bị, phòng thí nghiệm và nhà xưởng từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho khoa học và công nghệ, kết hợp với việc thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm tạo ra các sản phẩm mới...

được quan tâm, nhân lực được bố trí công việc theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo, theo đó, đã phát huy hiệu quả năng lực và kiến thức bản thân (tổng số nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh là 10.503 người)⁴.

- Thị trường lao động tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động tốt, nhu cầu việc làm, thông tin thị trường lao động được kết nối rộng rãi; các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người lao động tiếp tục được thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức khác nhau nên việc chấp nối cung - cầu lao động có hiệu quả⁵.

- Công tác giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp một phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương⁶. Chú trọng đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất trường học từ mọi nguồn vốn, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo, đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được các cấp các ngành quan tâm đẩy mạnh⁷.

- Chất lượng nguồn nhân lực trong ngành nông nghiệp ngày càng được quan tâm chú trọng. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn luôn được các Bộ, ngành ở Trung ương và UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện, theo đó, việc tổ chức đào tạo bằng hình thức ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị dạy nghề có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt kết quả cao⁸. Công tác quản lý, kiểm tra kết quả đào tạo nghề cơ bản thực hiện theo đúng quy định của Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 và các cơ quan chức năng thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn⁹.

⁴ Số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: thuộc cơ quan quản lý nhà nước là 2.339 người (trong đó trình độ trên đại học là 229 người; đại học 1.460 người); thuộc Viện nghiên cứu của trung ương trên địa bàn là 522 người; thuộc viện nghiên cứu của địa phương, bệnh viện là 12 người; thuộc trường học các cấp là 6.781 người; các trung tâm khuyến nông, trung tâm thông tin, trung tâm huấn luyện thể dục thể thao là 338 người; thuộc các tổ chức sự nghiệp khác là 331 người; thuộc doanh nghiệp là 180 người.

⁵ Số lao động được giải quyết việc làm trong năm đạt khoảng 29.100 lao động, tăng 1.300 lao động so với năm 2017. Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động ước đạt 56%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ chiếm tỷ lệ trên 18,23%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đạt 2,6%.

Tổng dư nợ cho vay vốn giải quyết việc làm năm 2018 là 28.575 triệu đồng, số dự án người lao động vay vốn là: 1.042 người, trong đó Lao động nữ 659 người, lao động là người khuyết tật 24 người, lao động dân tộc thiểu số là 87 người.

⁶ Tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND ngày 18/7/2013 của HĐND tỉnh về việc Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025. Năm học 2018 - 2019, toàn tỉnh có 1.037 trường từ mầm non đến THPT, tăng 13 trường so với năm học 2017-2018 (Mầm non 324 trường, tăng 14 trường; Tiểu học 424 trường, giảm 1 trường; THCS 233 trường; THPT 56 trường).

⁷ Năm 2018, toàn tỉnh có 428 trường đạt chuẩn, tăng 3,5% so với năm 2017.

⁸ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 về ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk năm 2018. Năm 2018 tỉnh đã tuyển mới và đào tạo nghề cho 33.914 học sinh giáo dục nghề nghiệp, tăng 2,84% so với năm 2017, hỗ trợ đào tạo 3.599 lao động nông thôn (trong đó lao động DTTS: 2.756 người, lao động Nữ: 1.495 người với kinh phí thực hiện 12.388,6 triệu đồng).

⁹ Năm 2018, thành lập 03 đoàn kiểm tra cấp tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 01 đoàn, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 01 đoàn, Hội Cựu chiến binh tỉnh 01 đoàn), 12 đoàn cấp huyện, 35 đoàn cấp xã

- Việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế được tăng cường chú trọng; tỉnh đã triển khai có hiệu quả Kế hoạch đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2015 - 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

- Quỹ đất bố trí cho mục đích đất giáo dục đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 14/8/2018 về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk là 1.441 ha. Theo đó, việc phê duyệt địa điểm xây dựng, mở rộng các cơ sở đào tạo có nhiều chuyên biến tích cực, các địa điểm xây dựng đã đáp ứng được việc khai thác tiềm năng và lợi thế trong việc thu hút đầu tư, phát triển các công trình, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành 03 quyết định giao đất, cho thuê đất với tổng diện tích 7.841 m² để thực hiện các công trình, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo)¹⁰.

- Nhân lực làm việc trong ngành giao thông, vận tải từng bước được nâng cao về năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và điều hành đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Theo đó, tổng số nhân lực làm việc trong lĩnh vực xây dựng cầu đường là 3.202 người (trong đó: Đại học và cao đẳng 896 người, trung cấp 900 người, sơ cấp 1.406 người), tăng 30 người so với năm 2017; tổng số nhân lực làm việc trong lĩnh vực vận tải là 4.519 người (trong đó đại học 184 người, trung cấp 325 người, cao đẳng và sơ cấp 4.519 người), tăng 252 người so với năm 2017.

- Nhân lực làm việc trong ngành Du lịch của tỉnh cũng phát triển mạnh mẽ, là lực lượng đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Hiện tại, tổng số nhân lực làm việc trong ngành Du lịch là 2.698 người¹¹.

- Tổng số cán bộ y tế trên địa bàn tỉnh là 5.877 người. Nhân lực làm việc trong ngành Y tế thường xuyên được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân¹².

b) Tình hình, kết quả thực hiện các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng phục vụ cho việc xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị các cấp và toàn xã hội.

kiểm tra giám sát việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại 80 lớp.

¹⁰ Mở rộng trường Mầm non Hoa Sen, Trường Mầm non Bông Sen, Điểm trường mẫu giáo Phong Lan).

¹¹Trong đó: tại cơ quan quản lý nhà nước 45 người, tại đơn vị sự nghiệp 13 người và tại các đơn vị kinh doanh du lịch 2.640 người. Số lượng cán bộ văn hóa thể thao cấp tỉnh và cấp xã theo trình độ: trên đại học 16 người, đại học 100 người, cao đẳng 1 người, trung cấp 1 người và trình độ khác 7 người.

¹² Về trình độ đào tạo nhân lực y tế: sau đại học 498 người, đại học 1.419 người, cao đẳng 386 người, trung cấp 3.056 người, khác 518 người. Tỷ lệ bác sỹ/ vạn dân là 6,83.

Tỉnh đã tổ chức tuyên truyền sâu rộng và thường xuyên trong cả hệ thống chính trị nắm vững quan điểm, yêu cầu phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh.

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nhân lực trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương năm 2018, định kỳ có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện, đề ra các biện pháp thực hiện.

- Đổi mới quản lý Nhà nước về phát triển nhân lực theo hướng kiện toàn tổ chức bộ máy; đẩy mạnh phân cấp và hoàn thiện chính sách.

Tỉnh đã tập trung kiện toàn, hoàn thiện tổ chức bộ máy, hạn chế và khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trong việc đào tạo nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh phân cấp nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo trong triển khai phát triển nhân lực phù hợp với tình hình thực tiễn của từng đơn vị, địa phương.

Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về phát triển nhân lực phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; thường xuyên có sự đánh giá tình hình thực hiện để kịp thời sửa đổi, bổ sung, khuyến khích thúc đẩy phát triển nhân lực.

- Phân bổ lực lượng lao động theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhân lực của đơn vị mình, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo phát triển nhân lực trong từng ngành, địa phương phù hợp quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020, đồng thời đảm bảo lực lượng lao động được phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 286/QĐ-TTg ngày 09/3/2018.

- Mở rộng, tăng cường hợp tác phát triển nhân lực

Tỉnh đã tăng cường hợp tác với Trường Đại học Tây Nguyên, Học viện Hành chính Quốc gia và các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn để đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho địa phương; triển khai thực hiện chương trình hợp tác giữa tỉnh với trường đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh nhằm thiết lập quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu, tư vấn phản biện chính sách địa phương. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngoài việc nâng cao chất lượng đào tạo đang từng bước gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, tìm hiểu nhu cầu của thị trường lao động để đào tạo các nghề, cấp độ nghề phù hợp, từ đó giúp cho người tốt nghiệp dễ tìm được việc làm, nâng cao hiệu quả đào tạo.

Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động làm việc tại các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao trình độ để bổ sung nhân lực có tay nghề cho tỉnh sau khi về nước.

- Phát triển nhân lực các ngành, lĩnh vực quan trọng

Chất lượng nhân lực ngành nông – lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục được đầu tư nâng cao, tạo năng suất, chất lượng cho các lĩnh vực nông nghiệp chủ lực như sản xuất cây cà phê, cao su... đồng thời, tỷ trọng nhân lực cho chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp cũng được nâng cao nhằm tạo sự phát triển cân bằng, bền vững, phát huy tối đa lợi thế của địa phương trong phát triển nông nghiệp.

Công tác tổ chức các lớp nâng cao kỹ thuật cho công nhân kỹ thuật, nông dân các vùng bằng hệ thống các trường nghề, các trung tâm dạy nghề trong tỉnh được thường xuyên triển khai, đồng thời tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở phát huy năng lực đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên và các cơ sở ngoài tỉnh...

Việc phát triển xây dựng các khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện phát triển, mở rộng đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế đã tạo tiền đề phát triển nhân lực ngành công nghiệp – xây dựng¹³.

- Đào tạo cán bộ, công chức đáp ứng các nhiệm vụ đặt ra

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức nhất là chất lượng chính trị, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chuyển dịch từ cách thức đào tạo, bồi dưỡng theo ngạch sang cách thức đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh và vị trí việc làm và tập trung đổi mới nhằm bổ sung những kiến thức sâu về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển nhân lực của tỉnh

Các nguồn vốn đầu tư của Trung ương, của tỉnh đầu tư cơ sở vật chất mạng lưới giáo dục - đào tạo được sử dụng hiệu quả; chất lượng cán bộ quản lý và đội ngũ cán bộ giảng dạy các cấp học tại địa phương được nâng cao; hiện tỉnh đang tiến hành vận động các nhà đầu tư liên kết với cơ sở đào tạo nghề để phát triển đào tạo nhân lực.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa vào cuộc một cách quyết liệt, chưa có phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ Quy hoạch đã đề ra. Nội dung báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của một số sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

2. Công tác khảo sát, xác định nhu cầu học nghề của một số địa phương

¹³ UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban quản lý khu công nghiệp lập báo cáo đề xuất đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Hòa Phú và các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp vào phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp. Hiện tỉnh đang trình Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Khu công nghiệp Phú Xuân, khi được Chính phủ phê duyệt sẽ tiến hành phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Phú Xuân.

thực hiện chưa sát với thực tế nên việc tuyển sinh, đào tạo nghề gặp nhiều khó khăn, một số lớp dạy nghề không tuyển sinh được học viên như địa phương đã đăng ký làm ảnh hưởng đến việc thực hiện cơ cấu tỷ lệ đối tượng được học nghề theo chỉ tiêu đề ra.

3. Việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quy hoạch, đào tạo phát triển và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao có nơi còn chưa được quan tâm thường xuyên; trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch chưa gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu sử dụng nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực và từng thời kỳ.

4. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch còn bất cập, thiếu đồng bộ; chưa phát huy hết tác động tích cực của dự án là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực của địa phương.

5. Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm còn hạn hẹp, chỉ đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu, trong khi đó nhu cầu vay vốn rất lớn. Nhiều lao động được đào tạo nghề nhưng gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, nên không phát huy được hiệu quả nghề nghiệp sau đào tạo.

6. Khả năng tiếp thu, nắm bắt kiến thức về khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp của một số lao động nông thôn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ còn hạn chế. Nguyên nhân là do trình độ học vấn của một bộ phận lao động còn thấp, lứa tuổi tham gia học nghề trong một lớp không đồng đều.

7. Hoạt động kiểm tra, giám sát dạy nghề của một số địa phương, một số đơn vị dạy nghề thực hiện chưa thường xuyên. Nguyên nhân là do sự quan tâm của một số địa phương đối với công tác đào tạo nghề còn hạn chế, địa bàn tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn ở xa trung tâm, có những nơi đi lại còn gặp nhiều khó khăn.

8. Người lao động trong tỉnh cơ bản có việc làm nhưng chất lượng việc làm chưa cao, việc làm thiếu ổn định, không bền vững.

9. Công tác thông tin, tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, dạy nghề và sự cần thiết phải học nghề, sử dụng lao động đã qua đào tạo nghề ở một số địa phương còn chưa phát huy hiệu quả.

10. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học mầm non, trung học phổ thông còn thấp.

11. Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng, số lượng cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng khá lớn, nhưng nhìn chung chất lượng, nhất là kiến thức quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, kỹ năng nghiệp vụ còn hạn chế.

12. Trong từng ngành, từng cấp công tác dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện tốt, định hướng về cơ cấu, ngành nghề cần đào tạo, nhất là đào tạo nhân lực có tay nghề cao ở các lĩnh vực như kỹ thuật cao trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội.

13. Việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực dạy nghề còn hạn chế; doanh nghiệp chỉ đào tạo lại theo nhu cầu và chưa đặt hàng đào tạo lao động cho các cơ sở dạy nghề. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề tại các cơ sở dạy nghề được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ và chưa theo kịp tiến bộ công nghệ tại các doanh nghiệp dẫn đến tỷ lệ lao động học nghề sau khi ra trường có việc làm vẫn còn thấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp tuyển dụng.

14. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động được nâng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng với nhu cầu của người sử dụng lao động. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa nông thôn còn chậm. Lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao.

15. Vấn đề xã hội hóa giáo dục và đào tạo vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa tạo sức hấp dẫn thu hút nhiều nhà đầu tư.

III. Giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế

1. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các ngành, các cấp tiếp tục tuyên truyền sâu rộng các quan điểm, mục tiêu và giải pháp chủ yếu của Quy hoạch Phát triển nhân lực của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2020, làm cho toàn xã hội thấy rõ vai trò, trách nhiệm đào tạo và sử dụng nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tập trung tham mưu hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu quả và hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nhân lực. Tích cực vận dụng, triển khai các chính sách, cơ chế, công cụ phát triển và quản lý nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi theo quy định để thu hút nhân lực chất lượng cao.

3. Bảo đảm nguồn lực tài chính. Phân bổ và sử dụng hợp lý ngân sách Nhà nước dành cho phát triển nhân lực; tập trung xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách theo hướng tập trung đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đào tạo theo mục tiêu ưu tiên và thực hiện công bằng xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa để tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển nhân lực, trong đó, tập trung huy động các nhà đầu tư đóng góp cho phát triển nhân lực thông qua việc trực tiếp đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo, cơ sở y tế, văn hóa, thể dục thể thao; hình thành các quỹ hỗ trợ phát triển nhân lực...

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục. Lựa chọn, bồi dưỡng và phân bổ giáo viên hợp lý theo hướng mở, hội nhập, thúc đẩy tăng trưởng, phân luồng, khuyến khích học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; nâng cao chất lượng các trường dạy nghề và đào tạo chuyên nghiệp theo hướng tăng cường kỹ năng thực hành, năng lực ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến. Áp dụng các phương pháp dạy và học ở các cấp theo hướng phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tư duy, chủ động nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ

thông tin trong quản lý và đào tạo nhân lực.

5. Tăng cường sự kết hợp đồng bộ giữa cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục, đào tạo với lao động, việc làm và các Hội, hiệp hội, các Doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức sử dụng lao động, các trường đại học, các trường dạy nghề để hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên nhằm phát huy năng lực của từng cá nhân và giải quyết tốt mối quan hệ cung - cầu trong đào tạo và sử dụng nhân lực. Duy trì, bố trí kinh phí để tổ chức dạy nghề cho lao động vào thời điểm nông nhàn, tạo điều kiện thuận lợi cho lao động trong việc tham gia học nghề.

6. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của tỉnh, kết nối với hệ thống dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của quốc gia. Thực hiện tốt chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, đãi ngộ phù hợp đối với nhân lực có trình độ cao, các chuyên gia... về làm việc cho những ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

IV. Phương hướng triển khai Kế hoạch năm 2019

1. Tiếp tục triển khai việc thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực theo Quyết định 3433/QĐ-UBND nhằm xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao và hoàn thành những mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với Quy hoạch phát triển nhân lực, trong đó nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình quản lý thực hiện quy hoạch.

3. Các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đối chiếu các quy hoạch sử dụng đất để cập nhật, bổ sung cho phù hợp tình hình sử dụng đất, lĩnh vực đầu tư, vấn đề môi trường của các dự án để đưa ra giải pháp thích hợp, nhất là trong việc giới thiệu địa điểm đầu tư cho các dự án giáo dục đào tạo.

4. Chú trọng nâng cao về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

5. Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp kinh doanh quan tâm, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, đặc biệt có nhiều chính sách thu hút nhân lực có chất lượng cao. Huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động tìm kiếm sự đầu tư nguồn vốn từ nước ngoài; chú trọng chuyển giao công nghệ từ các trường danh tiếng trên thế giới.

6. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần đẩy mạnh việc quảng bá hình ảnh của nhà trường, không ngừng nâng cao chất lượng về các hoạt động, chú trọng công tác đào tạo học sinh, sinh viên, tạo môi trường học tập năng động, hiện đại; phát triển ngành nghề mang đặc trưng riêng, nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế), UBND cấp xã làm tốt công tác khảo sát, xác định nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn; đặc biệt chú trọng ưu tiên đào tạo cho các đối tượng lao động làm việc

trong doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã, các vùng sản xuất nguyên liệu, các dự án phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

III. Kiến nghị, đề xuất

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc phát triển nhân lực của tỉnh, kính đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương xem xét một số kiến nghị như sau:

1. Đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành hàng năm hỗ trợ bổ sung kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trong giai đoạn 2016-2020. Tăng nguồn vốn cấp bổ sung hàng năm để thực hiện công tác cho vay giải quyết việc làm; tiếp tục hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động của Chương trình giải quyết việc làm và đào tạo nghề các năm tiếp theo.

2. Đề nghị Chính phủ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng bộ và tăng mức đầu tư đào tạo cho các ngành nghề trọng điểm và các trường chất lượng cao đến năm 2020; ban hành các chính sách về công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao cho đầu tư phát triển vùng Tây Nguyên; điều chỉnh nâng mức trợ cấp xã hội cho đối tượng chính sách tham gia học nghề nội trú. Có chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, nhận học sinh thực tập, nhận lao động sau đào tạo nghề.

3. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí cơ cấu chỉ tiêu đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo từng vùng do đặc điểm lao động, sản xuất nông nghiệp ở từng vùng có sự khác nhau, theo đó, các địa phương có thể linh hoạt vận dụng theo thực tế của từng địa phương; bố trí kinh phí đảm bảo triển khai đồng bộ các hoạt động của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch Phát triển nhân lực tỉnh Đắk Lắk năm 2018, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đánh giá. /*ĐKL*

Nơi nhận: *ĐKL*

- Bộ KH&ĐT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Phòng KGVX;
- Lưu VT, TH (Ph 50 b).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị